

Số: 00001/N2.21/ĐG/12

Ngày 06/4/2021

## THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

- Đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp
- Địa chỉ : 64 ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Tp. HCM
- Hợp đồng nguyên tắc số: 08/QN.21/N2-THW ngày 31/12/2020
- Giấy yêu cầu và nhận thẩm định/ giám định số: 00001/N2.21/ĐG ngày 01/1/2021.
- Nội dung yêu cầu :
  - Lấy mẫu nước sạch vào ngày 24/3/2021 và phân tích chất lượng nước. Chỉ tiêu yêu cầu phân tích: các chỉ tiêu nêu tại mục PL 1.1, Phụ lục I của HĐNT số 08/QN.21/N2-THW ngày 31/12/2020.
  - Thể hiện mức quy định tại QCVN 01:2009/BYT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống*) đối với các chỉ tiêu yêu cầu phân tích tại bảng kết quả phân tích mẫu.
- Địa điểm lấy mẫu : Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp – Nhà máy nước Tân Hiệp 2, ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian lấy mẫu : Ngày 24/3/2021 từ 08 giờ 55 phút đến 09 giờ 20 phút
- Phương pháp lấy mẫu :
  - TCVN 6663-1: 2011 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lập trình chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
  - TCVN 6663-3: 2016 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
  - TCVN 6663-5: 2009 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lấy mẫu nước uống từ các trạm xử lý và hệ thống phân phối bằng đường ống.
  - TCVN 8880: 2011 – Chất lượng nước, lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.
- Kết quả giám định : *Xem chi tiết từ trang 02/03 đến 03/03.*

*Lưu ý: Không được trích/ sao một phần Thông báo kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3.*

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Nguyễn Xuân Nam

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thái Hùng



## KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

### 9.1 Nội dung thực hiện

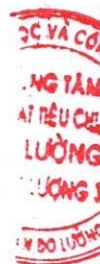
- Lấy mẫu: vị trí lấy mẫu nước do đại diện Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp (bà Đoàn Võ Thị Thanh Trang) chỉ định, cụ thể tại 01 vòi “nước dịch vụ” trong Phòng Thí nghiệm. Mẫu sau khi lấy được niêm phong bằng niêm nhựa của Trung tâm Kỹ thuật 3 với số niêm KT341785.
- Hình ảnh thực hiện:



Vị trí lấy mẫu nước



Mẫu nước được niêm phong



### 9.2 Kết quả thử nghiệm

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn tối đa cho phép (1)
1	Độ màu, Pt. Co	TCVN 6185: 2015	< 5,0	15
2	Mùi	SMEWW 2017 (2150 C)	Không có mùi lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục, NTU	SMEWW 2017 (2130 B)	< 0,5	2
4	Độ pH ở 25 °C	TCVN 6492: 2011	7,5	Trong khoảng 6,5 – 8,5
5	Độ cứng toàn phần quy về CaCO <sub>3</sub> , mg/L	SMEWW 2017 (2340 C)	86,3	300
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS), mg/L	SMEWW 2017 (2540 C)	296	1 000

**KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH***(Tiếp theo)***9.2 Kết quả thử nghiệm**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn tối đa cho phép <sup>(1)</sup>
7	Hàm lượng amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ),	mg/L	US EPA Method 350.2 (So màu)	< 0,1	3
8	Hàm lượng clorua (Cl <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	118	250
9	Hàm lượng florua (F <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	0,27	1,5
10	Hàm lượng sắt (Fe),	mg/L	US EPA Method 200.8	< 0,02	0,3
11	Hàm lượng mangan (Mn),	mg/L		< 0,02	0,3
12	Hàm lượng nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	3,3	50
13	Hàm lượng nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	< 0,02	3
14	Hàm lượng sunphat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	46,3	250
15	Chỉ số permanganate quy về O <sub>2</sub> ,	mg/L	TCVN 6186: 1996	< 1,5 <sup>(2)</sup>	2
16	Clo dư,	mg/L	Đo tại hiện trường bằng Test Kit Chlorine DR300, Hach – USA	1,0	Trong khoảng 0,3 – 0,5
17	Tổng số coliform,	CFU/100 mL	ISO 9308-1: 2014	0	0
18	Escherichia coli,	CFU/100 mL	ISO 9308-1: 2014	0	0

Ghi chú: <sup>(1)</sup> ... Giới hạn tối đa cho phép quy định tại QCVN 01:2009/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống

<sup>(2)</sup> ... Giới hạn định lượng của phương pháp thử



Số: 00001/N2.21/ĐG/11

Ngày 29/3/2021

## THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

- Đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp
- Địa chỉ : 64 ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Tp. HCM
- Hợp đồng nguyên tắc số: 08/QN.21/N2-THW ngày 31/12/2020
- Giấy yêu cầu và nhận thẩm định/ giám định số: 00001/N2.21/ĐG ngày 01/1/2021.
- Nội dung yêu cầu :
  - Lấy mẫu nước sạch vào ngày 17/3/2021 và phân tích chất lượng nước. Chỉ tiêu yêu cầu phân tích: các chỉ tiêu nêu tại mục PL 1.1, Phụ lục I của HDNT số 08/QN.21/N2-THW ngày 31/12/2020.
  - Thể hiện mức quy định tại QCVN 01:2009/BYT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống*) đối với các chỉ tiêu yêu cầu phân tích tại bảng kết quả phân tích mẫu.
- Địa điểm lấy mẫu : Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp – Nhà máy nước Tân Hiệp 2, ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian lấy mẫu : Ngày 17/3/2021 từ 09 giờ 30 phút đến 09 giờ 50 phút
- Phương pháp lấy mẫu :
  - TCVN 6663-1: 2011 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lập trình chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
  - TCVN 6663-3: 2016 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
  - TCVN 6663-5: 2009 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lấy mẫu nước uống từ các trạm xử lý và hệ thống phân phối bằng đường ống.
  - TCVN 8880: 2011 – Chất lượng nước, lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.
- Kết quả giám định : *Xem chi tiết từ trang 02/03 đến 03/03.*

*Lưu ý: Không được trích/ sao một phần Thông báo kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3.*

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Nguyễn Xuân Nam



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thái Hùng



## KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

### 9.1 Nội dung thực hiện

- Lấy mẫu: vị trí lấy mẫu nước do đại diện Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp (bà Đoàn Võ Thị Thanh Trang) chỉ định, cụ thể tại 01 vòi “nước dịch vụ” trong Phòng Thí nghiệm. Mẫu sau khi lấy được niêm phong bằng niêm nhựa của Trung tâm Kỹ thuật 3 với số niêm KT341784.
- Hình ảnh thực hiện:



Vị trí lấy mẫu nước



Mẫu nước được niêm phong

TRUNG TÂM KỸ THUẬT 3  
 PHÒNG THÍ NGHIỆM  
 SỐ QUẢN LÝ: KT341784  
 NGÀY DO LUYỆN: 29/03/2021

### 9.2 Kết quả thử nghiệm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn tối đa cho phép (1)
1	Độ màu,	Pt. Co	TCVN 6185: 2015	< 5,0	15
2	Mùi		SMEWW 2017 (2150 C)	Không có mùi lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục,	NTU	SMEWW 2017 (2130 B)	< 0,5	2
4	Độ pH ở 25 °C		TCVN 6492: 2011	7,8	Trong khoảng 6,5 – 8,5
5	Độ cứng toàn phần quy về CaCO <sub>3</sub> ,	mg/L	SMEWW 2017 (2340 C)	65,3	300
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS),	mg/L	SMEWW 2017 (2540 C)	213	1 000

**KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH***(Tiếp theo)***9.2 Kết quả thử nghiệm**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn tối đa cho phép <sup>(1)</sup>
7	Hàm lượng amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ),	mg/L	US EPA Method 350.2 (So màu)	< 0,1	3
8	Hàm lượng clorua (Cl <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	65,3	250
9	Hàm lượng florua (F <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	0,3	1,5
10	Hàm lượng sắt (Fe),	mg/L	US EPA Method 200.8	< 0,02	0,3
11	Hàm lượng mangan (Mn),	mg/L		< 0,02	0,3
12	Hàm lượng nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	3,7	50
13	Hàm lượng nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	< 0,02	3
14	Hàm lượng sunphat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	37,2	250
15	Chỉ số permanganate quy về O <sub>2</sub> ,	mg/L	TCVN 6186: 1996	< 1,5 <sup>(2)</sup>	2
16	Clo dư,	mg/L	Đo tại hiện trường bằng Test Kit Chlorine DR300, Hach – USA	0,9	Trong khoảng 0,3 – 0,5
17	Tổng số coliform,	CFU/100 mL	ISO 9308-1: 2014	0	0
18	Escherichia coli,	CFU/100 mL	ISO 9308-1: 2014	0	0

**Ghi chú:** <sup>(1)</sup> ... Giới hạn tối đa cho phép quy định tại QCVN 01:2009/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống

<sup>(2)</sup> ... Giới hạn định lượng của phương pháp thử



Số: 00001/N2.21/ĐG/10

Ngày 22/3/2021

## THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

- Đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp
- Địa chỉ : 64 ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Tp. HCM
- Hợp đồng nguyên tắc số: 08/QN.21/N2-THW ngày 31/12/2020
- Giấy yêu cầu và nhận thẩm định/ giám định số: 00001/N2.21/ĐG ngày 01/1/2021.
- Nội dung yêu cầu :
  - Lấy mẫu nước sạch vào ngày 10/3/2021 và phân tích chất lượng nước. Chỉ tiêu yêu cầu phân tích: các chỉ tiêu nêu tại mục PL 1.1, Phụ lục I của HDNT số 08/QN.21/N2-THW ngày 31/12/2020.
  - Thể hiện mức quy định tại QCVN 01:2009/BYT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống*) đối với các chỉ tiêu yêu cầu phân tích tại bảng kết quả phân tích mẫu.
- Địa điểm lấy mẫu : Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp – Nhà máy nước Tân Hiệp 2, ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian lấy mẫu : Ngày 10/3/2021 từ 09 giờ 30 phút đến 09 giờ 50 phút
- Phương pháp lấy mẫu :
  - TCVN 6663-1: 2011 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lập trình chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
  - TCVN 6663-3: 2016 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
  - TCVN 6663-5: 2009 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lấy mẫu nước uống từ các trạm xử lý và hệ thống phân phối bằng đường ống.
  - TCVN 8880: 2011 – Chất lượng nước, lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.
- Kết quả giám định : *Xem chi tiết từ trang 02/03 đến 03/03.*

Lưu ý: Không được trích/ sao một phần Thông báo kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3.

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Nguyễn Xuân Nam



Nguyễn Thái Hùng



**KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH****9.1 Nội dung thực hiện**

- Lấy mẫu: vị trí lấy mẫu nước do đại diện Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp (bà Đoàn Võ Thị Thanh Trang) chỉ định, cụ thể tại 01 vòi “nước dịch vụ” trong Phòng Thí nghiệm. Mẫu sau khi lấy được niêm phong bằng niêm nhựa của Trung tâm Kỹ thuật 3 với số niêm KT341132.
- Hình ảnh thực hiện:



Vị trí lấy mẫu nước



Mẫu nước được niêm phong

**9.2 Kết quả thử nghiệm**

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn tối đa cho phép <sup>(1)</sup>
1	Độ màu, Pt. Co	TCVN 6185: 2015	< 5,0	15
2	Mùi	SMEWW 2017 (2150 C)	Không có mùi lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục, NTU	SMEWW 2017 (2130 B)	< 0,5	2
4	Độ pH ở 25 °C	TCVN 6492: 2011	7,6	Trong khoảng 6,5 – 8,5
5	Độ cứng toàn phần quy về CaCO <sub>3</sub> , mg/L	SMEWW 2017 (2340 C)	82,8	300
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS), mg/L	SMEWW 2017 (2540 C)	305	1 000



**KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH***(Tiếp theo)***9.2 Kết quả thử nghiệm**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn tối đa cho phép <sup>(1)</sup>
7	Hàm lượng amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ),	mg/L	US EPA Method 350.2 (So màu)	< 0,1	3
8	Hàm lượng clorua (Cl <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	105	250
9	Hàm lượng florua (F <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	0,4	1,5
10	Hàm lượng sắt (Fe),	mg/L	US EPA Method 200.8	< 0,02	0,3
11	Hàm lượng mangan (Mn),	mg/L		< 0,02	0,3
12	Hàm lượng nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	3,5	50
13	Hàm lượng nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	< 0,02	3
14	Hàm lượng sunphat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	42,2	250
15	Chỉ số permanganate quy về O <sub>2</sub> ,	mg/L	TCVN 6186: 1996	< 1,5 <sup>(2)</sup>	2
16	Clo dư,	mg/L	Đo tại hiện trường bằng Test Kit Chlorine DR300, Hach – USA	1,0	Trong khoảng 0,3 – 0,5
17	Tổng số coliform,	CFU/100 mL	ISO 9308-1: 2014	0	0
18	Escherichia coli,	CFU/100 mL	ISO 9308-1: 2014	0	0

**Ghi chú:** <sup>(1)</sup>... Giới hạn tối đa cho phép quy định tại QCVN 01:2009/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống

<sup>(2)</sup>... Giới hạn định lượng của phương pháp thử



Số: 00001/N2.21/ĐG/9

Ngày 15/3/2021

## THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

- Đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp
- Địa chỉ : 64 ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Tp. HCM
- Hợp đồng nguyên tắc số: 08/QN.21/N2-THW ngày 31/12/2020
- Giấy yêu cầu và nhận thẩm định/ giám định số: 00001/N2.21/ĐG ngày 01/1/2021.
- Nội dung yêu cầu :
  - Lấy mẫu nước sạch vào ngày 03/3/2021 và phân tích chất lượng nước. Chỉ tiêu yêu cầu phân tích: các chỉ tiêu nêu tại mục PL 1.1, Phụ lục I của HĐNT số 08/QN.21/N2-THW ngày 31/12/2020.
  - Thể hiện mức quy định tại QCVN 01:2009/BYT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống*) đối với các chỉ tiêu yêu cầu phân tích tại bảng kết quả phân tích mẫu.
- Địa điểm lấy mẫu : Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp – Nhà máy nước Tân Hiệp 2, ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian lấy mẫu : Ngày 03/3/2021 từ 09 giờ 15 phút đến 09 giờ 40 phút
- Phương pháp lấy mẫu :
  - TCVN 6663-1: 2011 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lập trình chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
  - TCVN 6663-3: 2016 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
  - TCVN 6663-5: 2009 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lấy mẫu nước uống từ các trạm xử lý và hệ thống phân phối bằng đường ống.
  - TCVN 8880: 2011 – Chất lượng nước, lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.
- Kết quả giám định : *Xem chi tiết từ trang 02/03 đến 03/03.*

*Lưu ý: Không được trích/ sao một phần Thông báo kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3.*

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Nguyễn Xuân Nam

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thái Hùng



**KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH****9.1 Nội dung thực hiện**

- Lấy mẫu: vị trí lấy mẫu nước do đại diện Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp (bà Đoàn Võ Thị Thanh Trang) chỉ định, cụ thể tại 01 vòi “nước dịch vụ” trong Phòng Thí nghiệm. Mẫu sau khi lấy được niêm phong bằng niêm nhựa của Trung tâm Kỹ thuật 3 với số niêm KT341131.
- Hình ảnh thực hiện:



Vị trí lấy mẫu nước



Mẫu nước được niêm phong

C VÀ C  
NG TÂN  
TIÊU CH  
ƯỜNG  
LƯỢNG  
LƯỢNG

**9.2 Kết quả thử nghiệm**

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn tối đa cho phép <sup>(1)</sup>
1	Độ màu, Pt. Co	TCVN 6185: 2015	< 5,0	15
2	Mùi	SMEWW 2017 (2150 C)	Không có mùi lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục, NTU	SMEWW 2017 (2130 B)	< 0,5	2
4	Độ pH ở 25 °C	TCVN 6492: 2011	7,5	Trong khoảng 6,5 – 8,5
5	Độ cứng toàn phần quy về CaCO <sub>3</sub> , mg/L	SMEWW 2017 (2340 C)	66,6	300
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS), mg/L	SMEWW 2017 (2540 C)	224	1 000



**KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH***(Tiếp theo)***9.2 Kết quả thử nghiệm**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn tối đa cho phép <sup>(1)</sup>
7	Hàm lượng amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ),	mg/L	US EPA Method 350.2 (So màu)	< 0,1	3
8	Hàm lượng clorua (Cl <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	71,7	250
9	Hàm lượng florua (F <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	0,3	1,5
10	Hàm lượng sắt (Fe),	mg/L	US EPA Method 200.8	< 0,02	0,3
11	Hàm lượng mangan (Mn),	mg/L		< 0,02	0,3
12	Hàm lượng nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	4,0	50
13	Hàm lượng nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	< 0,02	3
14	Hàm lượng sunphat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2017 (4110 B)	36,0	250
15	Chỉ số permanganate quy về O <sub>2</sub> ,	mg/L	TCVN 6186: 1996	< 1,5 <sup>(2)</sup>	2
16	Clo dư,	mg/L	Đo tại hiện trường bằng Test Kit Chlorine DR300, Hach – USA	1,0	Trong khoảng 0,3 – 0,5
17	Tổng số coliform,	CFU/100 mL	ISO 9308-1: 2014	0	0
18	Escherichia coli,	CFU/100 mL	ISO 9308-1: 2014	0	0

*Ghi chú:* <sup>(1)</sup>... Giới hạn tối đa cho phép quy định tại QCVN 01:2009/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống

<sup>(2)</sup>... Giới hạn định lượng của phương pháp thử